

Số: 120/QĐ-UBND

Yên Hòa, ngày 30 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án đầu tư xây dựng công trình:
Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối từ ngã ba trung tâm xã
đi thôn Thổ Hoàng, xã Yên Hòa.**

UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ YÊN HÒA

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ qui định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng.

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình.

Căn cứ Hướng dẫn số 2779/HD-SXD ngày 15/10/2021 của Sở Xây dựng Ninh Bình về việc xác định giá vật liệu, đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công; một số nội dung quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo quy định tại Nghị định số: 10/2021/NĐ-CP của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông báo số 241-TB/HU ngày 31/12/2020 của thường trực Huyện Ủy Yên Mô về việc đồng ý chủ trương cho UBND xã Yên Hòa đầu tư dự án Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối từ ngã ba trung tâm xã đi thôn Thổ Hoàng, xã Yên Hòa.

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 19/7/2021 của Hội đồng nhân dân xã Yên Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối từ ngã ba trung tâm xã đi thôn Thổ Hoàng, xã Yên Hòa.

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND xã Yên Hòa về việc phê duyệt đề cương Nhiệm vụ, dự toán chi phí khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự

án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối từ ngã ba trung tâm xã đi thôn Thổ Hoàng, xã Yên Hòa;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của UBND xã Yên Hòa về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối từ ngã ba trung tâm xã đi thôn Thổ Hoàng, xã Yên Hòa;

Căn cứ văn bản số 136/TB-KT&HT, ngày 27/6/2022 của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Yên Mô về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối từ ngã ba trung tâm xã đi thôn Thổ Hoàng, xã Yên Hòa;

Xét đề nghị của đơn vị tư vấn quản lý dự án và Công chức Địa chính - Xây dựng xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối từ ngã ba trung tâm xã đi thôn Thổ Hoàng, xã Yên Hòa với nội dung sau đây:

1. Tên dự án: Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối từ ngã ba trung tâm xã đi thôn Thổ Hoàng.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Yên Hòa.

3. Chủ đầu tư: UBND xã Yên Hòa

4. Mục Tiêu:

Việc đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông kết nối từ ngã ba trung tâm xã đi thôn Thổ Hoàng, xã Yên Hòa sẽ cụ thể hoá được đề án quy hoạch, tạo điều kiện cho xã Yên Hòa phát huy và phát triển kinh tế vùng trung tâm của xã lên tầm cao hơn và chất lượng cao hơn.

Nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng giao thông, tuyến đường được xây dựng thì năng lực vận tải tăng lên thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế làm đẹp cảnh quan, góp phần xóa đói giảm nghèo, giảm sự chênh lệch giữa nông thôn và thành thị, thu hút các nhà đầu tư vào khu vực.

+ Góp phần nâng cấp cơ sở hạ tầng cho xã Yên Hòa của huyện Yên Mô nói riêng và tỉnh Ninh Bình nói chung, giúp cho việc lưu thông hàng hóa và khai thác triệt để những tiềm năng kinh tế của xã, của huyện.

+ Tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của xã, của huyện.

+ Góp phần đảm bảo giao thông và nâng cao hiệu quả khai thác mạng lưới giao thông của tất cả các xã thuộc huyện Yên Mô.

+ Góp phần thực hiện chính sách thu hút các nhà đầu tư của tỉnh Ninh Bình.

5. Quy mô xây dựng:

5.1. Đường giao thông.

Tuyến đường thiết kế theo tiêu đường cấp V đồng bằng theo TCVN4054-2005:

* Tổng chiều dài tuyến L=1566.24m trong đó:

Tuyến 1 dài 1317.88m

+ Điểm đầu: Giao đường ĐT.480C

+ Điểm cuối: Kết nối với đường bê tông thuộc thôn Thổ Hoàng.

Tuyến 2 dài 248.36m

+ Điểm đầu: Giao tuyến 1.

+ Điểm cuối: Kết nối với đường bê tông thuộc thôn Thổ Hoàng.

* Quy mô, bình đồ tuyến:

Để hạn chế giải phóng mặt bằng và tận dụng nền đường cũ hướng tuyến được thiết kế bám sát theo nền đường hiện trạng (hạn chế tối đa việc thiết kế mở mới nền đường), đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật của cấp đường thiết kế.

Bảng các chỉ tiêu kỹ thuật chính

STT	Tên tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Cấp đường
			V
1	Tốc độ thiết kế V _{tk}	km/h	40
2	Tải trọng thiết kế nền, mặt đường		10T
3	Tần suất thiết kế	%	4
4	Bề rộng nền đường	m	7,5
5	Bề rộng mặt đường	m	5,5
6	Chiều rộng lề đường và lề gia cố	m	1,0 (0,5)
7	Độ dốc mặt đường, lề đường	%	2; 4
8	Bán kính đường cong nằm tối thiểu giới hạn	m	60
9	Bán kính đường cong nằm tối thiểu thông thường	m	125
10	Bán kính đường kính cong lồi tối thiểu giới hạn	m	700
11	Bán kính đường kính cong lồi tối thiểu thông thường	m	1000
12	Bán kính đường kính cong lõm tối thiểu giới hạn	m	450
13	Bán kính đường kính cong lõm tối thiểu thông thường	m	700
14	Độ dốc dọc lớn nhất, %	%	7

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Cấp đường
			V
1	Tốc độ thiết kế V _{tk}	km/h	40
2	Tải trọng thiết kế nền, mặt đường		10T
3	Tần suất thiết kế	%	4
4	Bề rộng nền đường	m	7,5
5	Bề rộng mặt đường	m	5,5
6	Chiều rộng lề đường và lề gia cố	m	1,0 (0,5)
7	Độ dốc mặt đường, lề đường	%	2; 4
8	Bán kính đường cong nằm tối thiểu giới hạn	m	60
9	Bán kính đường cong nằm tối thiểu thông thường	m	125
10	Bán kính đường kính cong lồi tối thiểu giới hạn	m	700
11	Bán kính đường kính cong lồi tối thiểu thông thường	m	1000
12	Bán kính đường kính cong lõm tối thiểu giới hạn	m	450
13	Bán kính đường kính cong lõm tối thiểu thông thường	m	700
14	Độ dốc dọc lớn nhất, %	%	7

a. Trắc dọc:

Cao độ đường đờ được thiết kế trên cơ sở bám sát mặt đường cũ, thoả mãn các điều kiện sau:

- Cao độ điểm đầu và điểm cuối kết nối vào đường hiện trạng.
- Cao độ đường đờ lấy tại tim của mặt cắt ngang (giao giữa 2 đoạn dốc mặt đường, chi tiết xem bản vẽ trắc ngang điển hình).

b. Quy mô cắt ngang tuyến như sau:

- + Nền đường rộng : = 7,5m
- + Mặt đường rộng: = 5,50m
- + Lề đất : 2x1,0 = 2,0m
- + Độ dốc mặt đường: i_m=2%, độ dốc lề đất = 4%

c. Kết cấu áo đường:

BTXM M300 đá 2x4 dày 20cm

Giấy dầu ngăn cách

Cấp phối đá dăm loại I dày 18cm

d. Khe co dẫn:

- Thiết kế theo quy mô giao thông thuộc cấp nhẹ, tải trọng trục thiết kế 60 KN.
- Bố trí khe co và khe dẫn mặt đường. Thiết kế kiểu khe có thanh truyền lực, khe co khoảng cách 3.7m/khe, khe dẫn khoảng cách 55.5m/khe cụ thể:
 - Kích thước tấm bê tông trên mặt bằng: (3,7x2,75)m
 - Khe co có 2 loại. Trường hợp 3 khe liên tiếp trước và sau khe dẫn có thanh truyền lực. Dùng thanh D25 tròn trơn, L=40cm. Các khe co trường hợp còn lại không có thanh truyền lực mà chỉ chèn khe bằng matit.
 - Khe dẫn là khe có thanh truyền lực. Dùng thanh D25 tròn trơn, L=40cm.
(cụ thể xem bản vẽ cấu tạo).

e. Nền đường

Đối với lớp tiếp giáp đáy móng kết cấu áo đường đắp bằng đất đá hỗn hợp đầm chặt K95 dày 50cm, phần nền còn lại đắp đất đồi đầm chặt K90. Dọn dẹp mặt bằng, đánh cấp và đào đất không thích hợp dày 30cm trên bờ, đối với những vị trí qua ruộng, kênh mương sâu và ao sâu vét bùn 0.5m-1.0m trước khi thi công nền đường.

5.2. Nút giao, vượt nối dân sinh.

- Nút giao phải đảm bảo được yêu cầu: trước khi tới nút người lái xe nhận biết ngay được sự bố trí giao thông trong nút.
- Đảm bảo tầm nhìn: Tầm nhìn là nhân tố cơ bản đảm bảo an toàn trong nút, người lái xe nhận thấy xe đi trên các hướng khác để dễ dàng làm chủ tốc độ xe.
- Qui mô kích thước của công trình phải đảm bảo sự khai thác bình thường của các công trình liên quan.
 - Chú ý tới mỹ quan.
 - Vị trí công trình phục vụ dân sinh phải phục vụ thuận lợi cho sự đi lại.
 - Tuyến chính có các vị trí giao cắt với đường giao dân sinh được thiết kế theo dạng vượt nối bằng các đường cong tròn, độ dốc dọc tối đa 7%. Chiều dài vượt nối đảm bảo an toàn cho xe chạy.
 - Đối với nút giao với trục đã có chỉ thiết kế đến mép phần xe chạy. Bán kính vượt rẽ bằng các đường cong tròn theo bán kính của trục đã có.
 - Đường giao dân sinh được thiết kế vượt nối đảm bảo êm thuận và an toàn giao thông. Tại những vị trí giao với các đường dân sinh thiết kế vượt nối vào đường hiện trạng với độ dốc dọc đảm bảo êm thuận. Kết cấu vượt nối như kết cấu tuyến chính.

5.3. Thiết kế công ngang đường

5.3.1. Thiết kế công tròn D=1.0m:

- Trên tuyến 1 xây dựng 05 công tròn D=1.0m thoát nước ngang đường, công đảm bảo thoát nước bằng kết cấu vĩnh cửu đốt công BTCT, chiều dài công phù hợp với chiều rộng nền đường.

- Tần suất tính toán: Các công thiết kế với tần suất lũ 4%.
- Giải pháp thiết kế: Đào hố móng công đến cao độ thiết kế, thi công các bộ phận công, sau đó đắp trả móng công bằng đất đồi đầm chặt K90.

* Kết cấu công tròn như sau:

- Thân công: Bằng BTCT lắp ghép đá 1x2 M300, móng công dùng bê tông xi măng đá 2x4 M150 đổ tại chỗ, trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.
- Tường đầu, tường cánh, sân công, sân gia cố: Bằng bê tông xi măng đá 2x4 M150 đổ tại chỗ.
- Đan van nâng hạ và cánh phai bằng BTCT M200, cánh phai được nâng hạ bằng hệ thống vít nâng hạ V1.
- Móng công được gia cố bằng cọc tre dài 2.5m, mật độ 25cọc/m2.

(Xem bản vẽ chi tiết)

Bảng thống kê công D=1.0m

STT	LÝ TRÌNH	KHẨU ĐỘ	GHI CHÚ
1	Km0+204.84	D=1.0m	Thay thế công cũ
2	Km0+416.39	D=1.0m	Thay thế công cũ
3	Km0+729.52	D=1.0m	Thay thế công cũ
4	Km1+47.44	D=1.0m	Thay thế công cũ
5	Km1+312.57	D=1.0m	Thay thế công cũ

5.3.2. Thiết kế công tròn D=0.75m:

- Trên tuyến 1 và tuyến 2 xây dựng 02 công tròn D=0.75m thoát nước ngang đường, công đảm bảo thoát nước bằng kết cấu vĩnh cửu đót công BTCT, chiều dài công phù hợp với chiều rộng nền đường.

- Tần suất tính toán: Các công thiết kế với tần suất lũ 4%.

- Giải pháp thiết kế: Đào hố móng công đến cao độ thiết kế, thi công các bộ phận công, sau đó đắp trả móng công bằng đất đồi đầm chặt K90.

* Kết cấu công tròn như sau:

- Thân công: Bằng BTCT lắp ghép đá 1x2 M300, móng công dùng bê tông xi măng đá 2x4 M150 đổ tại chỗ, trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.
- Tường đầu, tường cánh: Bằng bê tông xi măng đá 2x4 M150 đổ tại chỗ.
- Móng công được gia cố bằng cọc tre dài 2.5m, mật độ 25cọc/m2.

(Xem bản vẽ chi tiết)

Bảng thống kê công D=0.75m

STT	LÝ TRÌNH	KHẨU ĐỘ	GHI CHÚ
1	Km1+104.00 – tuyến 1	D=0.75m	Thiết kế mới
2	Km0+155.89 – tuyến 2	D=0.75m	Thay thế công cũ

5.3.3. Đót công hoàn trả D=0.5m

- Trên tuyến 1 và tuyến 2 hoàn trả các đốt cống D=0.5m ngang bờ đất nội đồng do nền đường mở rộng lấn chiếm vị trí cống cũ.

- Đốt cống bằng BTXM M200 đá 1x2 trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.

(Xem chi tiết các vị trí hoàn trả trên bản vẽ bình đồ cống)

5.4. Công trình thoát nước dọc

5.4.1 Rãnh thoát nước dọc B=1.0m

- Thiết kế rãnh xây kết hợp với các hố ga bên trái tuyến 1, khẩu độ kênh B=1.0m, phạm vi từ Km0+1.68 đến Km0+204.84, có chiều dài 197m.

- Kết cấu rãnh xây như sau: Tường rãnh xây gạch bê tông không nung vữa xi măng M75 dày 33cm; mặt trong rãnh trát vữa xi măng M100 dày 1.5cm; xà mũ, tấm đan bằng BTCT M250 đá 1x2; móng rãnh bằng BTXM M200 đá 2x4 dày 20cm trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.

- Kết cấu hố thu: Tấm đan, xà mũ hố thu bằng BTCT M250 đá 1x2, tường hố thu bằng gạch BTKN xây VXM M75 dày 33cm, trát tường VXM M100 dày 1.5cm, móng hố thu bằng BTXM M200 đá 2x4 dày 20cm trên lớp đá dăm đệm móng dày 10cm.

- Móng rãnh, hố ga được gia cố bằng cọc tre dài 2.5m, mật độ 25cọc/m².

- Ghi chú: Chiều rãnh tính toán theo thực tế bố trí trên bình đồ tuyến (Xem bản vẽ chi tiết).

5.4.2 Kênh tưới tiêu B=1.5m

- Kênh xây hở, kết cấu tường kênh và móng kênh bằng đá hộc xây VXM M75, xà mũ kênh và dầm ngang (5m bố trí 01 dầm ngang) bằng BTCT M250 đá 1x2, đá dăm đệm móng dày 10cm, mặt trong tường kênh trát vữa xi măng M100 dày 2cm, đáy kênh láng vữa xi măng M100 dày 2cm.

- Các vị trí kênh giao với đường nội đồng được bố trí các tấm đan bằng BTCT M250 đá 1x2.

- Móng kênh được gia cố bằng cọc tre dài 2.5m, mật độ 25cọc/m².

5.5. Vỉa hố, vỉa bo, đan rãnh, hố trồng cây, cây bóng mát

- Vỉa hè lát gạch Terrazzo trên lớp vữa đệm M100 dày 20mm và bê tông móng đá 1x2 M150 dày 10cm, lớp cát đen đệm móng dày 3cm.

- Bó vỉa lát bằng bê tông xi măng mác 250 đá 1x2 kích thước (300x230x500)mm trên lớp móng BTXM mác 150 dày 100mm. Loại dài 1000mm áp dụng cho đoạn thẳng, loại viên 250mm dùng cho đoạn cong có bán kính R<25m.

- Đan rãnh bằng BTXM M250 đá 1x2 đúc sẵn, trên lớp vữa đệm M100 dày 20mm và bê tông móng đá 1x2 M150 dày 10cm.

- Cửa thu nước: Phạm vi làm vỉa hè được bố trí các cửa thu nước đặt dọc theo rãnh đan, thu nước vào hố thu trên vỉa hè. Kết cấu cửa thu nước bằng BTXM M250 đá 1x2 đúc sẵn, lưới chắn rác làm bằng thép hình, ống dẫn nước bằng 02 ống UPVC đường kính D160

- Hố trồng cây kích thước phủ bì KT (100x100)cm xây gạch bê tông VXM mác 75, móng BTXM đá 1x2 dày 10cm, trung bình 8m bố trí 1 hố trồng cây

- Cây bóng mát: Trồng cây Bằng Lăng Nước, khoảng cách cách 8m/Cây.

5.6. Kè đá học:

- Thiết kế kè chắn bằng đá học chạy dọc theo các vị trí nền đường qua ao, kênh để bảo độ ổn định của nền đường, giảm thiểu khối lượng giải phóng mặt bằng.

- Kết cấu kè bằng đá học xây vữa XM M100, giằng đỉnh kè bằng BTCT M200, kè được thiết kế theo định hình 86-06X của Bộ GTVT. Cứ 10m thiết kế 1 khe phòng lún rộng 3cm nhét bao tải tấm nhựa đường. Móng kè bằng đá học xây vữa XM M100, trên lớp đệm đá dăm dày 10cm. Móng kè được gia cố bằng cọc tre dài 2.5m, mật độ 25cọc/m²;

6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng: Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại 577.

7. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng: xã Yên Hòa, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Công trình thi công dự kiến diện tích đất chiếm dụng để thực hiện dự án khoảng 2,0 ha bao gồm chủ yếu là đất giao thông hiện trạng và nông nghiệp, một phần nhỏ đất thủy lợi và đất nuôi trồng thủy sản ...

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Công trình nhóm C; Công trình giao thông, cấp IV.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Công trình Thiết kế 1 bước.

Các tiêu chuẩn áp dụng:

- Tiêu chuẩn khảo sát xây dựng được áp dụng:

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500 - 1:1000 - 1:2000 - 1:5000 (phần ngoài trời)	96 TCN 43 :1990
2	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình	TCVN 9398:2012
3	Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020/TCĐBVN
4	Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan	

- Tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng:

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054:2005
2	Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế	TCVN10380-2014
3	Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 39:2022/TCĐBVN

4	Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 2737:1995
5	Gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - yêu cầu thiết kế	TCCS 34:2020/TCĐBVN
6	Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5573:2011
7	Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN41:2019/BGTVT
8	Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan	

- Các tiêu chuẩn áp dụng cho công tác thi công và nghiệm thu

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012
2	Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 10380-2012
3	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu	TCVN 8859-2011
4	Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 40:2022/TCĐBVN
5	Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan	

9. Tổng mức đầu tư: 14.950.000.000 đồng

(Bằng chữ: Mười bốn tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

Trong đó:

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị phê duyệt (đồng)
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư	1.800.000.000
1	Chi phí xây dựng	11.575.441.000
2	Chi phí quản lý dự án	315.694.000
3	Chi phí tư vấn ĐTXD	740.655.000
4	Chi phí khác	258.191.000
5	Chi phí dự phòng	260.019.000
	Tổng cộng	14.950.000.000

10. Tiến độ thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (nếu có): Tiến độ thực hiện đầu tư và hoàn thành trong năm 2021-2023.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Nguồn đầu giá giá trị quyền sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án

13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Có

14. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước (nếu có): Không.

15. Các nội dung khác (nếu có): Không

Điều 2. Giao cho Công chức Địa chính - Xây dựng, Công chức Tài chính - Kế toán xã, đơn vị tư vấn quản lý dự án tổ chức thực hiện các bước tiếp theo của dự án đảm bảo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Công chức văn phòng HĐND và UBND xã; Đơn vị tư vấn quản lý dự án; Công chức Địa chính - Xây dựng xã; Công chức Tài chính - Kế toán xã và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đoàn Trung Nam